

Số **A730**/BC-UBND

Nha Trang, ngày **19** tháng **6** năm 2023

BÁO CÁO
Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

Kính gửi: HĐND thành phố Nha Trang.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND thành phố về bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố về bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của HĐND thành phố về bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 28/4/2023 của HĐND thành phố về bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 – 2025;

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện, UBND thành phố báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 như sau:

I. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024:

Tổng kế hoạch vốn dự kiến năm 2024 là 510.666 triệu đồng, gồm:

1, Vốn đầu tư công theo tỉnh phân cấp : 315.536 triệu đồng.

- Nguồn vốn XDCB tập trung : 102.336 triệu đồng.

- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất : 213.200 triệu đồng.

Dự kiến vốn đầu tư công theo phân cấp năm 2024 tính bằng năm 2023 đã được UBND tỉnh giao thành phố Nha Trang.

2, Vốn ngân sách thành phố bổ sung : 195.130 triệu đồng.

Vốn ngân sách thành phố bổ sung từ nguồn vốn tăng thu tiền sử dụng đất đã bố trí trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND thành phố.



II. Phân cấp quản lý vốn đầu tư công năm 2024:

STT	Nội dung	Dự kiến Kế hoạch vốn (triệu đồng)		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Vốn NS thành phố quản lý	Vốn NS xã quản lý
	TỔNG CỘNG	510.666	466.508	44.158
A	Vốn tỉnh phân cấp	315.536	271.378	44.158
1	Nguồn vốn XDCCB tập trung	102.336	90.158	12.178
2	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	213.200	181.220	31.980
B	Vốn ngân sách thành phố bổ sung	195.130	195.130	-

III. Dự kiến danh mục dự án, lĩnh vực bố trí vốn:

1, Đối với vốn ngân sách cấp xã quản lý : 44.158 triệu đồng.

UBND các xã phường tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư theo Luật đầu tư công năm 2019; Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 7/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hòa.

2, Đối với vốn ngân sách thành phố quản lý : 466.508 triệu đồng.

a) Danh mục dự án và mức vốn dự kiến (chi tiết theo phụ lục 1)

Dự án dự kiến bố trí vốn đã được HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư và đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 theo quy định của Luật đầu tư công năm 2019. Trong đó:

- Dự án chuyên tiếp : 05 dự án, với số vốn 100.512 triệu đồng.

- Dự án khởi công mới : 92 dự án, với số vốn 365.996 triệu đồng.

(bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư, thanh toán công nợ quyết toán, hoàn trả quỹ phát triển đất tỉnh theo Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND)

b) Lĩnh vực bố trí vốn

Danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công theo các lĩnh vực tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Bao gồm:

- 11 dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục : 87.763 tr đồng (chiếm 19% KH)

- 36 dự án thuộc lĩnh vực Giao thông : 121.909 tr đồng (chiếm 26% KH)

- 5 dự án thuộc lĩnh vực Cấp thoát nước: 41.347 tr đồng (chiếm 9% KH)
 - 14 dự án thuộc lĩnh vực hoạt động : 48.655 tr đồng (chiếm 10% KH)
- của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội
- 4 dự án thuộc lĩnh vực AN, QP : 22.313 tr đồng (chiếm 5% KH)
 - 12 dự án thuộc lĩnh vực VH- TT- TT: 27.151 tr đồng (chiếm 6% KH)
 - 2 dự án thuộc lĩnh vực Môi trường : 13.479 tr đồng (chiếm 3% KH)
 - 3 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, : 36.850 tr đồng (chiếm 8% KH)
- lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản
- 2 dự án thuộc lĩnh vực Thương mại : 14.415 tr đồng (chiếm 3% KH)
 - 8 dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng KT : 45.626 tr đồng (chiếm 10% KH)
- (điện chiếu sáng, cây xanh, công viên, hạ tầng khác...)
- 01 dự án bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, thanh toán công nợ quyết toán dự án hoàn thành, hoàn trả quỹ phát triển đất tỉnh theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 7/12/2020 của HĐND tỉnh : 7.000 tr đồng (chiếm 2% KH)

Tổng cộng : 466.508 triệu đồng

*** Về các dự án trọng điểm của thành phố:**

(1), Dự án Xây dựng mới Trường THCS Thái Nguyên:

Tổng mức đầu tư 85.700 triệu đồng.

Bố trí vốn: năm 2023 là 10.000 triệu đồng, năm 2024 là 40.000 triệu đồng và năm 2025 là 34.500 triệu đồng.

Công trình hiện đang thực hiện công tác thanh lý tài sản, dự kiến trong Quý III năm 2023 tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công thực hiện.

(2), Dự án Trung tâm hành chính Nha Trang:

Tổng mức đầu tư 304.957 triệu đồng.

Bố trí vốn: năm 2023 (vốn chuẩn bị đầu tư) là 600 triệu đồng, năm 2024 là 20.000 triệu đồng, số vốn còn lại bố trí năm 2025.

Công trình đang tổ chức thi tuyển kiến trúc.

(3), Dự án Cầu Phú Kiếng, xã Vĩnh Ngọc:

Tổng mức đầu tư dự kiến 500.000 triệu đồng.

Dự án đã được hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư thành phố tổ chức họp thông qua phương án. Sau khi Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040 được Thủ tướng phê duyệt, UBND thành phố sẽ trình HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

Ngân sách thành phố giai đoạn 2023-2025 đảm bảo cân đối đủ vốn để thực hiện dự án.

IV. Một số nhiệm vụ giải pháp:

Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, UBND thành phố Nha Trang triển khai một số nhiệm vụ như sau:

1, Yêu cầu Thủ trưởng đơn vị được giao làm Chủ đầu tư

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong tình hình hiện nay góp phần phát triển kinh tế - xã hội thành phố Nha Trang.

- Trên cơ sở danh mục dự kiến, tập trung đẩy nhanh công tác lập, thẩm định dự án, đảm bảo hoàn thành việc phê duyệt dự án trước ngày 31/10/2023 và chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về việc chậm trễ (nếu có).

- Nâng cao năng lực quản lý dự án, tổ chức lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, tăng cường công tác giám sát thi công, đảm bảo chất lượng công trình. Thực hiện đấu thầu qua mạng theo đúng quy định.

- Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, để xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

2, Giao Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Thông tin

- Trên cơ sở danh mục dự kiến, thường xuyên rà soát, đẩy nhanh công tác thẩm định, trình phê duyệt dự án.

- Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư trong việc lập, trình thẩm định dự án. Kịp thời tham mưu xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

3, Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường

Kịp thời tham mưu xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các Chủ đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án trọng điểm.

4, Giao Phòng Tài chính Kế hoạch

- Tổng hợp, tham mưu phân bổ giao vốn cho các Chủ đầu tư đối với các dự án hoàn thành thủ tục đầu tư, đủ điều kiện giao vốn

- Theo dõi, đôn đốc các Chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

- Thường xuyên rà soát tiến độ triển khai thực tế của các dự án, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, nhất là các dự án gặp khó khăn, vướng mắc, các đơn vị chậm giải ngân. Kịp thời tham mưu chuyển vốn của các dự án chậm giải ngân cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt hơn.

5, Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã phường

- Trên cơ sở nguồn vốn đầu tư được phân cấp, khẩn trương thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định tại Điều 17, 27, 35 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Tập trung bố trí vốn để đầu tư nâng cấp bộ phận một cửa từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất được trích để lại theo quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đảm bảo tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn phân cấp đến ngày 30/6 đạt tối thiểu 30%; đến ngày 30/9 đạt tối thiểu 60%; kết thúc năm đạt 100% kế hoạch vốn giao, phân cấp.

UBND thành phố Nha Trang kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTV Thành uỷ;
- TT Thành uỷ - HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Các thành viên UBND TP;
- Chánh, Phó VPTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Khánh

Phụ lục I

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Đính kèm báo cáo số 4730/UBND-TCKH ngày 19/6 /2023 của UBND thành phố)

Đvt: Triệu đồng

STT	Danh mục	Dự kiến Kế hoạch		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Vốn phân cấp Ngân sách thành phố (Phụ lục II)	Vốn phân cấp Ngân sách xã
	TỔNG CỘNG	510.666	466.508	44.158
A	Vốn tỉnh phân cấp	315.536	271.378	44.158
I	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	102.336	90.158	12.178
II	Vốn thu tiền sử dụng đất (Sau khi đã trích lại 20% (53.300 triệu đồng trên tổng số vốn 266.500 triệu đồng) để phục vụ công tác chi đo đạc, kiểm kê đất đai, điều chỉnh quy hoạch theo quy định và bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh)	213.200	181.220	31.980
B	Vốn thành phố bổ sung (từ nguồn sử dụng đất đã bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021-2025)	195.130	195.130	-

Phụ lục II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Đính kèm báo cáo số **4730** /UBND-TCKH ngày **19/6** /2023 của UBND thành phố)

Đơn: triệu đồng

Số TT	DANH MỤC	Chủ đầu tư	Nghị quyết chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư dự án	Dự kiến Kế hoạch			Ghi chú
					Tổng cộng	Trong đó		
						Nguồn XDCBTT	Nguồn SDD	
a	b	c	1	2	3=4+5	4	5	6
TỔNG CỘNG (I+II)					510.666	102.336	408.330	
I Vốn phân cấp ngân sách thành phố (a+b+c)					466.508	90.158	376.350	
a	Dự án chuyển tiếp				100.512	0	100.512	
	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>				65.000	0	65.000	
1	Trường THCS Lý Thái Tổ (giai đoạn 2) - Hàng mục: xây dựng mới khối 12 phòng học, phòng bộ môn, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, mua sắm thiết bị	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 189 24/12/2021 điều chỉnh NQ 08 20/01/2021	3329/QĐ-CT-UBND 29/6/2022	20.000		20.000	Năm 2023 10.000 tr đồng
2	Xây dựng mới trường THCS Thái Nguyên	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 51 23/6/2021	3353/QĐ-CT-UBND 01/7/2022	45.000		45.000	Năm 2023 10.000 tr đồng Năm 2025 29.500 tr đồng
	<i>Lĩnh vực giao thông</i>				15.512	0	15.512	
3	Nâng cấp, cải tạo đường Ngô Gia Tự	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 170 10/12/2020	3937/QĐ-CT-UBND 02/8/2022	12.000		12.000	Năm 2023 7.000 tr đồng
4	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Điện Biên Phủ	UBND phường Vĩnh Hòa	NQ 47 27/5/2022	5697/QĐ-CT-UBND 03/11/2022	3.512		3.512	Năm 2023 3.360 tr đồng
	<i>Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>				20.000	0	20.000	
5	Kè chống sạt lở suối Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 26 30/7/2020	7441/QĐ-CT-UBND 18/12/2020	20.000		20.000	Năm 2021: 1.174 tr đồng Năm 2022: 8.258 tr đồng Năm 2023: 10.000 tr đồng (Trình HĐND tỉnh)
b	Dự án Khởi công mới				358.996	90.158	268.838	
	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>				22.763	22.763	0	
1	Trường Mầm non Phương Sơn (điểm phụ) - Hàng mục: Sửa chữa công, tường rào; nâng cấp sân trường	Phòng GD&ĐT	NQ 04 28/4/2023		406	406		
2	Trường Mầm non Vĩnh Thọ - Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học; nâng cấp sân trường	Phòng GD&ĐT	NQ 44 28/4/2023		990	990		
3	Trường Mầm non Phước Thịnh - Hàng mục: Nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú	Phòng GD&ĐT	NQ 112 28/7/2022		1.559	1.559		
4	Trường Mầm non Vĩnh Phương 2 (điểm thôn Tây) - Hàng mục: xây dựng mới phòng học, phòng chức năng	Phòng GD&ĐT	NQ 41 28/4/2023		12.448	12.448		
5	Trường Tiểu học Tân Lập 1 - Hàng mục: Xây dựng mới nhà vệ sinh học sinh, giáo viên	Phòng GD&ĐT	NQ 113 28/7/2022		1.600	1.600		
6	Trường Tiểu học Xương Huân 2 - Hàng mục: Nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú; Nâng cấp sân trường	Phòng GD&ĐT	NQ 115 28/7/2022		1.500	1.500		
7	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 3 (điểm Tri Nguyên) Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học, nhà vệ sinh học sinh, giáo viên; nâng cấp sân trường; bàn, ghế học sinh	Phòng GD&ĐT	NQ 43 28/4/2023		1.611	1.611		
8	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 3 (điểm Bích Đám) Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học, nhà vệ sinh học sinh; nâng cấp sân trường; bàn, ghế học sinh; sửa chữa hệ thống điện năng lượng mặt trời	Phòng GD&ĐT	NQ 42 28/4/2023		1.654	1.654		
9	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa 2 - Hàng mục: Sửa chữa tường rào; nâng cấp sân trường	Phòng GD&ĐT	NQ 03 28/4/2023		995	995		
	<i>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>				48.655	0	48.655	
10	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	NQ 153 07/10/2022		941		941	
11	Trang bị phần mềm quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố	Phòng QLĐT	NQ 169 30/10/2021		1.200		1.200	
12	Triển khai thí điểm (app) Công dân số tương tác phục vụ người dân thành phố Nha Trang	Phòng VH&TT	NQ 167 21/12/2022		3.214		3.214	
13	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị Thành đoàn Nha Trang	Thành đoàn Nha Trang	NQ 19 28/4/2023		3.000		3.000	
14	Trung tâm hành chính thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 192 21/12/2022		20.000		20.000	Năm 2023: 600 tr đồng (Vốn chuẩn bị đầu tư) *Năm 2025 280.000 tr đồng
15	Trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ công ích của BQLDV Công ích	Ban QLDV Công ích	NQ 38 26/3/2021		2.800		2.800	
16	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	TT PTQĐT	NQ 153 07/10/2022		941		941	
17	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Nha Trang Hàng mục: Sê nô mái và các phòng, trực đứng bên trái tòa nhà (Trục A); Sơn mặt tiền; Nền tầng 1; Hệ thống điện	Viện kiểm sát nhân dân TP.Nha Trang	NQ 18 28/4/2023		800		800	
18	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Văn phòng Đài truyền thanh Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 37 28/4/2023		1.632		1.632	
19	Cải tạo, sửa chữa thư viện thành phố Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 38 28/4/2023		1.145		1.145	
20	Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viên thông (07 xã, phường)	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 182 21/12/2022		8.455		8.455	
21	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Lộc Thọ	UBND phường Lộc Thọ	NQ 39 28/4/2023		998		998	
22	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Vĩnh Hòa	UBND Phường Vĩnh Hòa	NQ 154 07/10/2022		700		700	
23	Nâng cấp, cải tạo Khối nhà làm việc Đảng ủy và Đoàn thể phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 191 21/12/2022		2.829		2.829	
	<i>Lĩnh vực an ninh</i>				3.613	0	3.613	
24	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Đội Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an thành phố	Công an thành phố	NQ 40 28/4/2023		3.613		3.613	

Số TT	DANH MỤC	Chủ đầu tư	Nghị quyết chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư dự án	Dự kiến Kế hoạch			Ghi chú
					Tổng cộng	Trong đó		
						Nguồn XDCBTT	Nguồn SDB	
	Lĩnh vực quốc phòng				18.700	0	18.700	
25	Xây dựng công trình phòng thủ 2020	Ban CHQS thành phố	NQ 38 26/3/2021		5.500		5.500	
26	Khu căn cứ chiến đấu phục vụ diễn tập, huấn luyện quân sự thành phố Nha Trang	Ban CHQS thành phố	NQ 173 21/12/2022		12.000		12.000	
27	Xây dựng nhà trực bảo vệ khu quân sự tại khu vực Núi Sạn, phường Vĩnh Phước	Ban CHQS thành phố	NQ 75 28/7/2022		1.200		1.200	
	Lĩnh vực Môi trường				13.479	0	13.479	
28	Mở rộng bãi chôn lấp Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 175 24/12/2021		13.000		13.000	Năm 2025 13.000 tr đồng
29	Sửa chữa, cải tạo ô chôn lấp phía Nam, bãi chôn lấp Lương Hòa	Ban QLDV Công ích	NQ 71 28/7/2022		479		479	
	Lĩnh vực giao thông				106.397	8.908	97.489	
30	Nâng cấp, cải tạo đường Lý Thánh Tôn (đoạn từ ngã 6 nhà thờ Núi đến đường Yersin)	Phòng QLĐT	NQ 175 21/12/2022		4.198		4.198	
31	Nâng cấp, cải tạo mặt đường Hoàng Diệu (từ Trần Phú đến nút giao N7)	Phòng QLĐT	NQ 174 21/12/2022		5.700		5.700	
32	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Yersin)	Phòng QLĐT	NQ 16 28/4/2023 điều chỉnh NQ 176 21/12/2022		5.700		5.700	
33	Sửa chữa, cải tạo đường Hai Bà Trưng	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 51 27/5/2022		2.000		2.000	
34	Sửa chữa, cải tạo đường Thủy Xương thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 31 28/4/2023		2.400		2.400	
35	Duy tu, sửa chữa đường Thái Khang, đường Bình Hòa, xã Phước Đồng	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 157 07/10/2022		9.000		9.000	
36	Nâng cấp lan can bờ sông, bờ biển thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 172 24/12/2021		13.000		13.000	Năm 2025 16.000 tr đồng
37	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè phía Tây đường Trần Phú (đoạn từ đường Lê Lợi đến hội trường 46 Trần Phú)	Ban QLDV Công ích	NQ 30 28/4/2023		10.500		10.500	
38	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè, giải phân cách đường Nguyễn Văn Linh (đoạn cuối), xã Phước Đồng	Ban QLDV Công ích	NQ 170 21/12/2022		1.182		1.182	
39	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước đường Nguyễn Biều (đoạn từ hẻm bê tông xi măng hiện trạng đến đường 2/4), phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	NQ 22 28/4/2023		2.913		2.913	
40	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước các cum hẻm tổ 09, 10 Hòa Bắc, phường Vĩnh Hòa	UBND phường Vĩnh Hòa	NQ 27 28/4/2023		4.000	4.000		- Phần HTTN: NSTP - Phần nền đường: NSTP 90% + NS cấp xã 10%
41	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước các cum hẻm tổ 12, 17 Hòa Trung, phường Vĩnh Hòa	UBND phường Vĩnh Hòa	NQ 26 28/4/2023		4.908	4.908		- Phần HTTN: NSTP - Phần nền đường: NSTP 90% + NS cấp xã 10%
42	Nâng cấp, cải tạo đường Mai An Tiêm và các tuyến nhánh, phường Vĩnh Phước	UBND Phường Vĩnh Phước	NQ 136 07/10/2022		1.080		1.080	
43	Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước khu vực cồn Nhất Trí, phường Vĩnh Phước	UBND Phường Vĩnh Phước	NQ 21 28/4/2023		7.000		7.000	- Phần HTTN: NSTP - Phần nền đường: NSTP 90% + NS cấp xã 10%
44	Cải tạo vỉa hè, mặt đường và nâng cấp hệ thống thoát nước đường Tôn Thất Tùng, phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 17 28/4/2023		3.636		3.636	
45	Nâng cấp đường và cải tạo, nạo vét hệ thống thoát nước khu vực Tân Phước - Tân Hải, phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 32 28/4/2023		920		920	- Phần HTTN: NSTP - Phần nền đường: NSTP 90% + NS cấp xã 10%
46	Nâng cấp đường Nguyễn Hoàng (đoạn trước Trường THCS Trần Hưng Đạo)	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 177 21/12/2022		850		850	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
47	Nâng cấp đường Tô Ký, xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 34 28/4/2023		882		882	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
48	Nâng cấp đường thôn Phước Lộc (đoạn từ đường Đỗ Xuân Hợp đến đường Hoàng Minh Thảo), xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 33 28/4/2023		864		864	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
49	Nâng cấp đường cạnh Trại Giam; đường Đỗ Xuân Hợp (nối dài), xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 25 28/4/2023		2.250		2.250	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
50	Nâng cấp đường đi nhà ông Tấn - ông Long, thôn Phước Trung, xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 46 28/4/2023		918		918	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
51	Nâng cấp đường vào trung tâm văn hóa xã Vĩnh Hiệp	UBND xã Vĩnh Hiệp	NQ 23 28/4/2023		759		759	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
52	Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn Cửu Hàm, xã Vĩnh Lương	UBND xã Vĩnh Lương	NQ 92 28/7/2022		2.568		2.568	- Phần HTTN: NSTP - Phần nền đường: NSTP 90% + NS cấp xã 10%
53	Nâng cấp hẻm 296 (đoạn từ nhà Ngô Duy Kiên đến nhà Nguyễn Ngọc Liêm) thôn Ngọc Hội 2, xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 94 28/7/2022		2.800		2.800	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
54	Nâng cấp đường Tram Điện, xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 24 28/4/2023		2.340		2.340	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
55	Nâng cấp hẻm 222 đường Lương Đình Cúa, xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 184 21/12/2022		990		990	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
56	Nâng cấp đường và bờ kè sông Tắc qua khu tái định cư Thủy Tú, Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 162 07/10/2022		4.300		4.300	
57	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước khu vực đường Đình Vĩnh Xuân, xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 35 28/4/2023		3.100		3.100	- Phần HTTN: NSTP - Phần nền đường: NSTP 90% + NS cấp xã 10%
58	Nâng cấp đường Miếu Bà và các tuyến hẻm lân cận, xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 36 28/4/2023		1.125		1.125	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
59	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước các tuyến hẻm 563, 577, 587 đường 23/10, xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 180 21/12/2022		970		970	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
60	Nâng cấp đường Gò Chùa, xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 179 21/12/2022		900		900	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
61	Nâng cấp đường Bầu Trâm và các tuyến nhánh thôn Phú Trung 1, xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 178 21/12/2022		970		970	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
62	Nâng cấp hẻm 1157 đường 23/10; hẻm Trường Mầm non Vĩnh Trung, xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 29 28/4/2023		783		783	NSTP 90% + NS cấp xã 10%
63	Nâng cấp cum hẻm thôn Đồng Nhon, xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 28 28/4/2023		891		891	NSTP 90% + NS cấp xã 10%

Số TT	DANH MỤC	Chủ đầu tư	Nghị quyết chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư dự án	Dự kiến Kế hoạch			Ghi chú
					Tổng cộng	Trong đó		
						Nguồn XDCBTT	Nguồn SDD	
	Lĩnh vực cấp nước, thoát nước				41.347	36.847	4.500	
64	Hệ thống công cấp 3 thu gom nước thải khu Tây mương Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 49 27/5/2022		13.500	13.500		Năm 2025 12.500 tr đồng
65	Xử lý ngập úng đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ đường Lu Giang đến Tỉnh lộ 3)	Ban QLDV Công ích	NQ 09 28/4/2023		8.000	8.000		
66	Hệ thống thoát nước đường 23/10 khu vực Cty CP Toyota Nha Trang	Ban QLDV Công ích	NQ 176 24/12/2021		4.500		4.500	
67	Hệ thống thoát nước tuyến chính từ nhà ông Nguyễn Công Trương đến nhà bà Nguyễn Thị Tú và các tuyến nhánh tổ 14 phường Ngọc Hiệp	UBND Phường Ngọc Hiệp	NQ 10 28/4/2023		9.047	9.047		- Phần HTTN: NSTP - Phần nền đường: NSTP 90% + NS cấp xã 10%
68	Hệ thống thoát nước khu vực thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái	UBND xã Vĩnh Thái	NQ 08 28/4/2023		6.300	6.300		
	Lĩnh vực Thương mại				14.415	0	14.415	
69	Cải tạo, sửa chữa chợ Hòn Rời, xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 13 28/4/2023		9.484		9.484	
70	Cải tạo, sửa chữa chợ Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 14 28/4/2023		4.931		4.931	
	Lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao				27.151	21.640	5.511	
71	Xây dựng khu luyện tập trong nhà; nâng cấp, cải tạo tường rào, sân tennis ngoài trời tại Trung tâm tập luyện và thi đấu thể thao Nha Trang	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 45 28/4/2023		14.793	14.793		
72	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao khu vực Hòn Rời, xã Phước Đồng	TTVH - Thông tin và Thể thao Nha Trang	NQ 20 28/4/2023		3.913	3.913		
73	Sửa chữa nhà văn hóa Khóm Đồng Dưa, Khóm Thái Nguyên, Khóm Máy Nước, Khóm Quốc Tuấn, Khóm Vườn Dương, phường Phước Tân,	UBND phường Phước Tân	NQ 88 28/7/2022		600	600		NSTP 80% + NS cấp xã 20%
74	Xây dựng nhà văn hóa 90 Đồng Nai, phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 141 07/10/2022		1.550	1.550		NSTP 80% + NS cấp xã 20%
75	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa 21 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ	UBND phường Lộc Thọ	NQ 183 21/12/2022		784	784		NSTP 80% + NS cấp xã 20%
76	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa tổ Phước Lộc, phường Phước Hải	UBND phường Phước Hải	NQ 187 21/12/2022		784		784	NSTP 80% + NS cấp xã 20%
77	Cải tạo, sửa chữa nhà bia liệt sỹ phường Xương Huân, khu vệ sinh, công, tường rào (số 73, đường Bến Chợ)	UBND phường Xương Huân	NQ 05 28/4/2023		593		593	
78	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Ngọc Hội 2, xã Vĩnh Ngọc	UBND xã Vĩnh Ngọc	NQ 91 28/7/2022		960		960	NSTP 80% + NS cấp xã 20%
79	Sửa chữa Nhà văn hóa thôn Phú Trung 2, xã Vĩnh Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 181 21/12/2022		794		794	NSTP 80% + NS cấp xã 20%
80	Sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 186 21/12/2022		794		794	
81	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phước Tân, xã Phước Đồng	UBND xã Phước Đồng	NQ 185 21/12/2022		792		792	NSTP 80% + NS cấp xã 20%
82	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Bình	UBND xã Vĩnh Thạnh	NQ 06 28/4/2023		794		794	NSTP 80% + NS cấp xã 20%
	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (điện chiếu sáng, cây xanh, công viên, hạ tầng khác..)				45.626	0	45.626	
83	Nâng cấp, cải tạo Quảng trường 2 tháng 4 Nha Trang	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 15 28/4/2023		10.000		10.000	
84	Thay thế đèn Led chiếu sáng công cộng và lắp đặt thiết bị điều khiển chiếu sáng thông minh trên tuyến đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ Trần Phú đến Bãi Tiên)	Ban QLDV Công ích	NQ 159 07/10/2022		7.000		7.000	
85	Thay thế đèn Led chiếu sáng công cộng và lắp đặt thiết bị điều khiển chiếu sáng thông minh trên tuyến đường 23/10	Ban QLDV Công ích	NQ 160 07/10/2022		5.500		5.500	
86	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống chiếu sáng bãi biển đường Trần Phú (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến Ana Mandara)	Ban QLDV Công ích	NQ 172 21/12/2022		5.485		5.485	
87	Sửa chữa, cải tạo công viên Sứ Biển	Ban QLDV Công ích	NQ 171 21/12/2022		2.298		2.298	
88	Nâng cấp, cải tạo hệ thống chiếu sáng tượng đài Chiến Thắng	Ban QLDV Công ích	NQ 07 28/4/2023		1.200		1.200	
89	Kè chống sạt lở đường Phạm Văn Đồng, tổ 35 Sơn Hải, phường Vĩnh Thọ	UBND phường Vĩnh Thọ	NQ 190 21/12/2022		2.295		2.295	
90	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hạ tầng Khu dân cư tổ 3, tổ 5 Trường Sơn, phường Vĩnh Trường	UBND Phường Vĩnh Trường	NQ 12 28/4/2023		11.848		11.848	
	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				16.850	0	16.850	
91	Kè chống sạt lở thượng, hạ lưu cầu Bầu Sa và gia cố mái taluy bảo vệ lề đường (hạ lưu thoát nước) đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ Cty Hoàng Văn đến qua cầu Bầu Sa, xã Vĩnh Phương	UBND xã Vĩnh Phương	NQ 11 28/4/2023		6.600		6.600	
92	Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)	Ban QLDA các CTXD NT	NQ 87 28/7/2021		10.250		10.250	Năm 2025 59.000 tr đồng (Vốn tính 140.000 tr đồng)
c	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư, thanh toán công nợ quyết toán vốn dự án hoàn thành trong kỳ và Hoàn trả quỹ phát triển đất tỉnh theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 7/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hòa				7.000		7.000	
	Đầu tư xây dựng nhà ở cho các hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở đất thuộc xã Phước và phường Vĩnh Trường	Ban QLDA các CTXD NT			190		190	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư theo QĐ phê duyệt dự toán số 17335 ngày 02/11/2021 của Chủ đầu tư
	Chờ phân bổ phát sinh trong kỳ				6.810		6.810	Giao UBND thành phố chủ động phân bổ chi tiết (để kịp thời giải quyết công nợ quyết toán và hoàn trả Quỹ phát triển đất tỉnh trong kỳ)
II	Vốn phân cấp ngân sách xã (trích lại 12% nguồn thu tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh)				44.158	12.178	31.980	Chi tiết đơn vị cụ thể trên cơ sở số thu thực tế của năm trước năm kế hoạch



Phụ lục III

DỰ KIẾN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đính kèm báo cáo số 4730/UBND-TCKH ngày 19/6/2023 của UBND thành phố)

Đvt: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch		
		Tổng cộng	Trong đó	
			Nguồn XDCBTT	Nguồn SDD
	Tổng cộng (I+II)	44.158	12.178	31.980
I	UBND các xã	23.283	12.178	11.105
1	Xã Phước Đồng	5.394	1.509	3.885
2	Xã Vĩnh Hiệp	1.465	1.257	208
3	Xã Vĩnh Lương	1.709	1.509	200
4	Xã Vĩnh Ngọc	3.863	1.810	2.053
5	Xã Vĩnh Phương	2.573	1.509	1.064
6	Xã Vĩnh Thái	3.436	1.257	2.179
7	Xã Vĩnh Thạnh	2.374	1.810	564
8	Xã Vĩnh Trung	2.469	1.517	952
II	UBND các phường	20.875	0	20.875
1	Lộc Thọ	187		187
2	Ngọc Hiệp	1.691		1.691
3	Phước Hải	1.150		1.150
4	Phước Hòa	886		886
5	Phước Long	8.171		8.171
6	Phước Tân	215		215
7	Phương Sơn	875		875
8	Vĩnh Hải	1.088		1.088
9	Vĩnh Hòa	1.688		1.688
10	Vĩnh Nguyên	2.438		2.438
11	Vĩnh Phước	736		736
12	Vĩnh Thọ	924		924
13	Vĩnh Trường	826		826